

Số: 51/2019/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 12 tháng 06 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị M sinh năm 1983; địa chỉ xóm 5, xã B, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh N sinh năm 1986; địa chỉ thôn K, xã C, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 06 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/06/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị M và anh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị M và anh N đều trình bày vợ chồng có một con chung là cháu P sinh ngày 07/01/2010. Chị M và anh N thoả thuận, giao cháu P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành; anh N cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu P trưởng thành.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu P được sống chung với chị M và anh N có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu P; chị M không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc cháu P.

Về tài sản: Chị M và anh N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị M và anh N thỏa thuận chị M nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002037 ngày 21/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị M được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã L
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực